

Phụ lục 2
BẢNG PHÂN LOẠI CÁC THIẾT BỊ TIÊU THỤ ĐIỆN THÔNG DỤNG
VÀ THỜI GIAN ÁP DỤNG TRONG TÍNH TOÁN XỬ LÝ VI PHẠM SỬ DỤNG ĐIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về Kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện)

STT	PHÂN LOẠI DỤNG CỤ - THIẾT BỊ TIÊU THỤ ĐIỆN	THỜI GIAN SỬ DỤNG (GIỜ/NGÀY)						GHI CHÚ
		SINH HOẠT GIA ĐÌNH	KINH DOANH DỊCH VỤ	CƠ QUAN HÀNH CHÍNH	SẢN XUẤT 1 CA	SẢN XUẤT 2 CA	SẢN XUẤT 3 CA	
1	Thiết bị chiếu sáng	6	16	8	8	16	24	
2	Thiết bị tạo và thông gió	10	12	8	8	16	24	
3	Thiết bị lạnh, điều hoà không khí	8	16	8	8	16	24	
4	Đồ dùng điện tử dân dụng	6	12	6				
5	Thiết bị gia nhiệt dân dụng	2	8	4				
6	Thiết bị có động cơ điện	4	8	6	8	14	22	
7	Máy hàn điện	4	10	6	8	16	20	
8	Thiết bị thông tin liên lạc	8	12	14				
9	Thiết bị nạp điện	8	12		8	16	24	
10	Tổng thời gian sử dụng bình quân của các thiết bị điện (t_{tb})	6	12	8	8	16	24	

Ghi chú:

- Khi tính toán cần lưu ý thời gian sử dụng thực tế hoặc theo mùa; nếu thời gian sử dụng thực tế không phù hợp thì áp dụng theo thời gian trong bảng.

- Động cơ điện khi tính toán lấy $\cos\phi$ theo qui định tại Điều 15 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực; máy hàn khi tính toán lấy $\cos\phi = 0,65$.